**Trường Đại Học Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh**

**Khoa Công Nghệ Thông Tin**

------------------------



**Đề Tài Môn Thực Hành Phân Tích Thiết Kế Hệ Thống Thông Tin**

**QUẢN LÝ QUÁN KARAOKE ICOOL**

**Nhóm**: 21

**Sinh Viên Thực Hiện**:

Nguyễn Bảo Long – 2001210745 – NT

Nguyễn Văn Chí Thanh – 2001210055

Hà Tri Thủy – 2001216194

Vũ Văn Anh – 2001215603

**Giáo Viên Hướng Dẫn**: Đinh Thị Mận

Thành Phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2024

# Phân Công Công Việc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Số Sinh Viên** | **Họ và Tên** | **Công Việc** | **Phần Trăm** |
| 2001210745 | Nguyễn Bảo Long |  | 25% |
| 2001210055 | Nguyễn Văn Chí Thanh |  | 25% |
| 2001216194 | Hà Tri Thủy |  | 25% |
| 2001215603 | Vũ Văn Anh |  | 25% |

# Mục Lục

[Phân Công Công Việc i](#_Toc169007203)

[Mục Lục ii](#_Toc169007204)

[Danh Mục Chữ Viết Tắt iv](#_Toc169007205)

[Danh Mục Hình Ảnh v](#_Toc169007206)

[Mở Đầu 6](#_Toc169007207)

[Chương 1. Tổng Quan 7](#_Toc169007208)

[1.1 Giới Thiệu 7](#_Toc169007209)

[1.2 Mục Tiêu và Phạm Vi Đề Tài 7](#_Toc169007210)

[1.3 Khảo Sát Hệ Thống 7](#_Toc169007211)

[1.4 Kết Chương 7](#_Toc169007212)

[Chương 2. Phân Tích Hệ Thống 8](#_Toc169007213)

[2.1 Giới Thiệu 8](#_Toc169007214)

[2.2 Mô Hình Hóa Nghiệp Vụ 8](#_Toc169007215)

[2.2.1 Sơ Đồ Use-Case Nghiệp Vụ 8](#_Toc169007216)

[2.2.2 Mô Hình Hóa Quy Trình Ngiệp Vụ 8](#_Toc169007217)

[2.3 Mô Hình Hóa Chức Năng 8](#_Toc169007218)

[2.3.1 Sơ Đồ Use-Case Hệ Thống 8](#_Toc169007219)

[2.3.2 Đặc Tả Use-Case Hệ Thống 8](#_Toc169007220)

[2.4 Sơ Đồ Lớp Mức Phân Tích 8](#_Toc169007221)

[2.5 Kết Chương 8](#_Toc169007222)

[Chương 3. Thiết Kế Hệ Thống 9](#_Toc169007223)

[3.1 Giới Thiệu 9](#_Toc169007224)

[3.2 Thiết Kế Cơ Sở Dữ Liệu 9](#_Toc169007225)

[3.3 Thiết Kế Giao Diện Hệ Thống 9](#_Toc169007226)

[3.3.1 Chức Năng Chỉnh Sửa Phiếu Đặt (Nguyễn Bảo Long) 9](#_Toc169007227)

[3.3.2 Chức Năng Thống Kê (Nguyễn Văn Chí Thanh) 9](#_Toc169007228)

[3.3.3 Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn Dịch Vụ (Hà Tri Thủy) 9](#_Toc169007229)

[3.3.4 Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn (Vũ Văn Anh) 9](#_Toc169007230)

[3.4 Sơ Đồ Lớp Mức Thiết Kế 9](#_Toc169007231)

[3.5 Thiết Kế Chức Năng Hệ Thống 9](#_Toc169007232)

[3.5.1 Thiết Kế Chức Năng Chỉnh Sửa Phiếu Đặt (Nguyễn Bảo Long) 9](#_Toc169007233)

[3.5.2 Thiết Kế Chức Năng Thống Kê (Nguyễn Văn Chí Thanh) 9](#_Toc169007234)

[3.5.3 Thiết Kế Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn Dịch Vụ (Hà Tri Thủy) 9](#_Toc169007235)

[3.5.4 Thiết Kế Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn (Vũ Văn Anh) 9](#_Toc169007236)

[Chương 4. Cài Đặt 10](#_Toc169007237)

[Chương 5. Kết Luận 11](#_Toc169007238)

[Tài Liệu Tham Khảo ii](#_Toc169007239)

# Danh Mục Chữ Viết Tắt

# Danh Mục Hình Ảnh

**No table of figures entries found.**

# Mở Đầu

# Tổng Quan

## Giới Thiệu

## Mục Tiêu và Phạm Vi Đề Tài

## Khảo Sát Hệ Thống

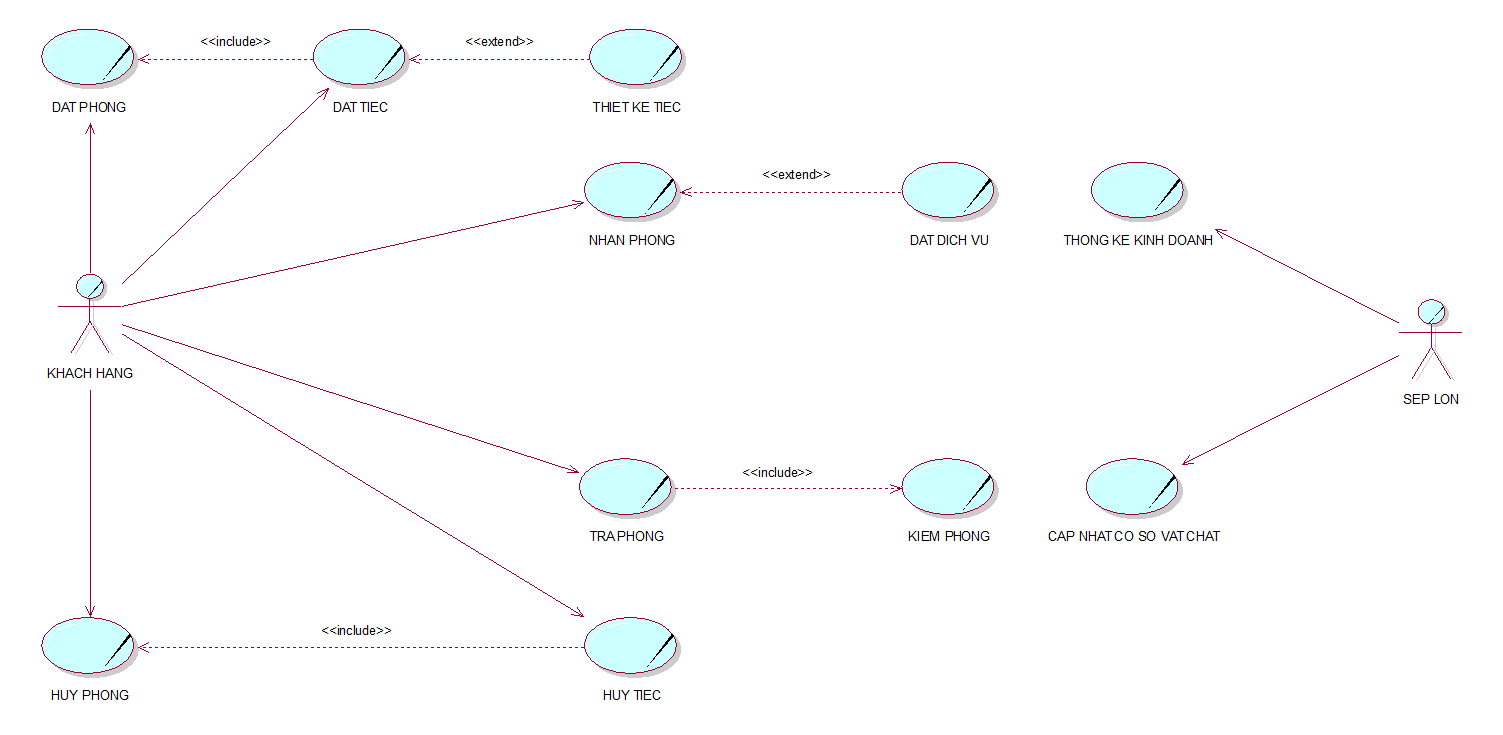
## Kết Chương

# Phân Tích Hệ Thống

## Giới Thiệu

## Mô Hình Hóa Nghiệp Vụ

### Sơ Đồ Use-Case Nghiệp Vụ



Hình 2‑1 Sơ Đồ Use-Case Nghiệp Vụ

### Mô Hình Hóa Quy Trình Ngiệp Vụ

#### Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Đặt Phòng

1. Đặc Tả Nghiệp Vụ

Use-case bắt đầu khi Khách Hàng đến hay gọi và yêu cầu đặt phòng hay tiệc

Use-case thể hiện được quá trình đặt phòng của Khách Hàng

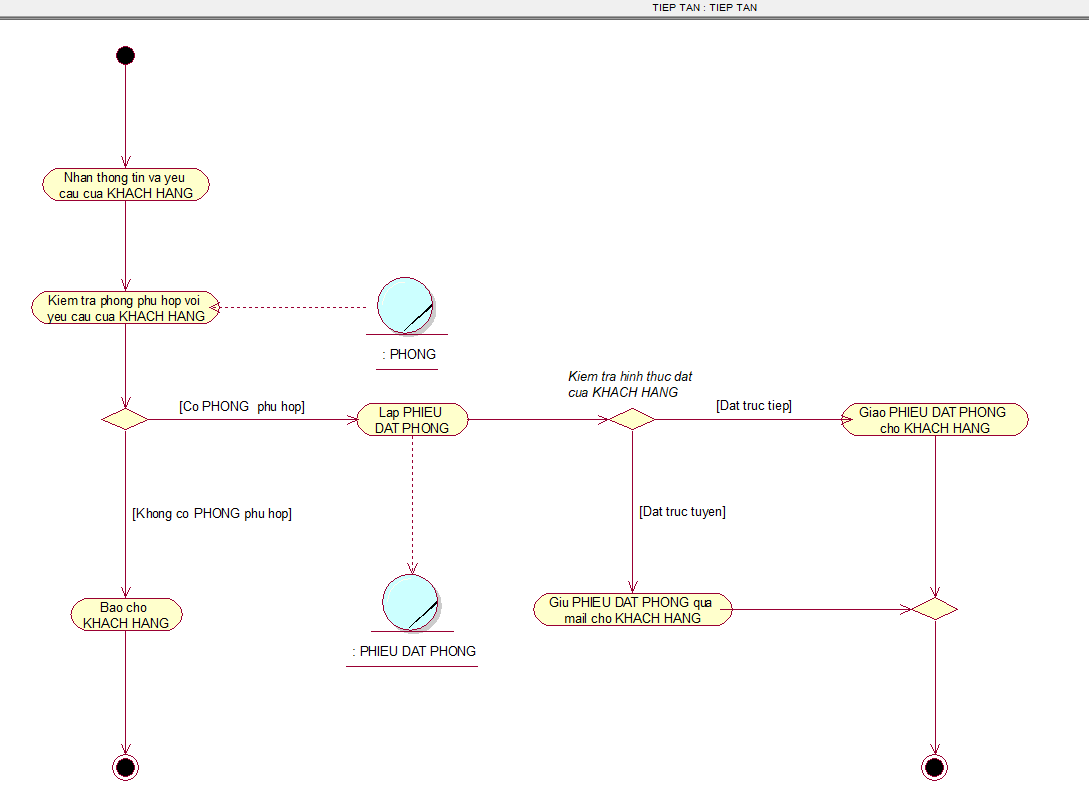
Dòng cơ bản:

1. Tiếp Tân nhận thông tin và yêu cầu của Khách Hàng
2. Tiếp Tân kiểm tra phòng phù hợp với yêu cầu của Khách Hàng
3. Tiếp Tân lập phiếu đặt phòng và kết thúc Use-Case Đặt Phòng

Dòng thay thế

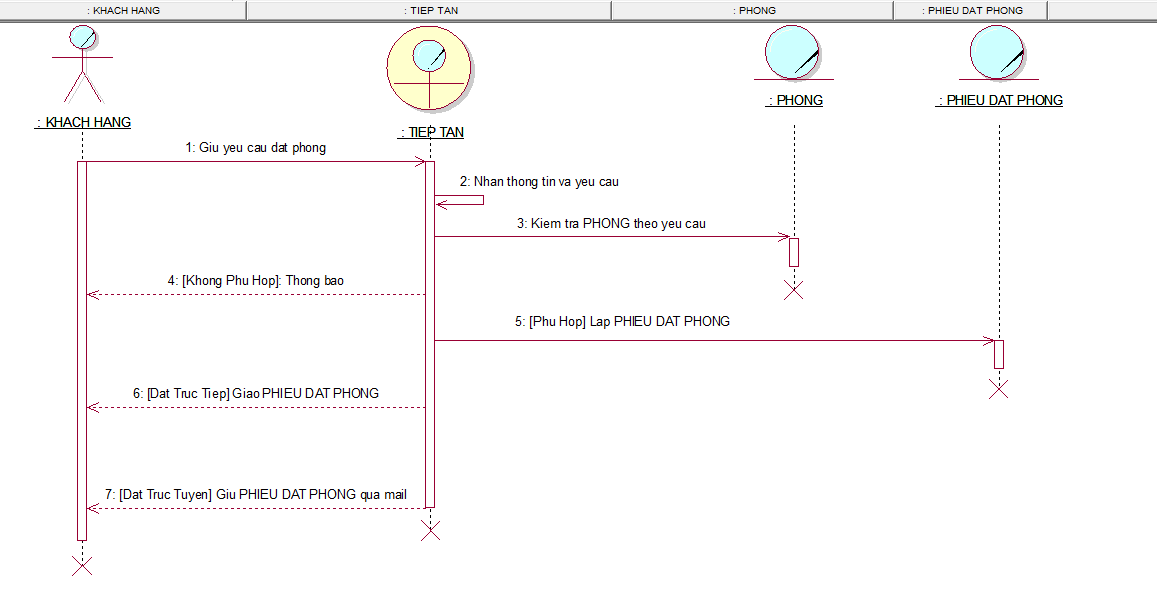
* Tại bước 2: Nếu không có phòng theo yêu cầu thì sẽ báo cho Khách Hàng và kết thúc Use-Case Đặt Phòng
* Tại bước 3:
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tiếp thì Tiếp Tân sẽ giao phiếu đặt phòng cho Khách Hàng
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tuyến thì Tiếp Tân sẽ gửi mail phiếu đặt phòng cho Khách Hàng

1. Sơ Đồ Hoạt Động



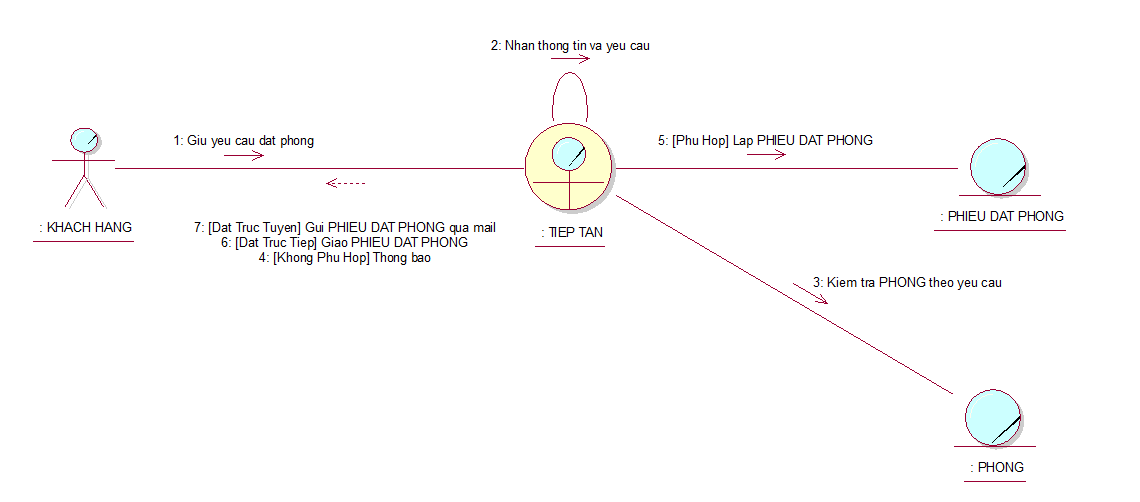
Hình 2‑2 Sơ Đồ Hoạt Động Nghiệp Vụ Đặt Phòng

1. Sơ Đồ Tuần Tự



Hình 2‑3 Sơ Đồ Tuần Tự Nghiệp Vụ Đặt Phòng

1. Sơ Đồ Cộng Tác



Hình 2‑4 Sơ Đồ Cộng Tác Nghiệp Vụ Đặt Phòng

#### Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Đặt Tiệc

1. Đặc Tả Nghiệp Vụ

Use-case bắt đầu khi Khách Hàng đến hay gọi và yêu cầu đặt tiệc

Use-case thể hiện được quá trình đặt tiệc của Khách Hàng

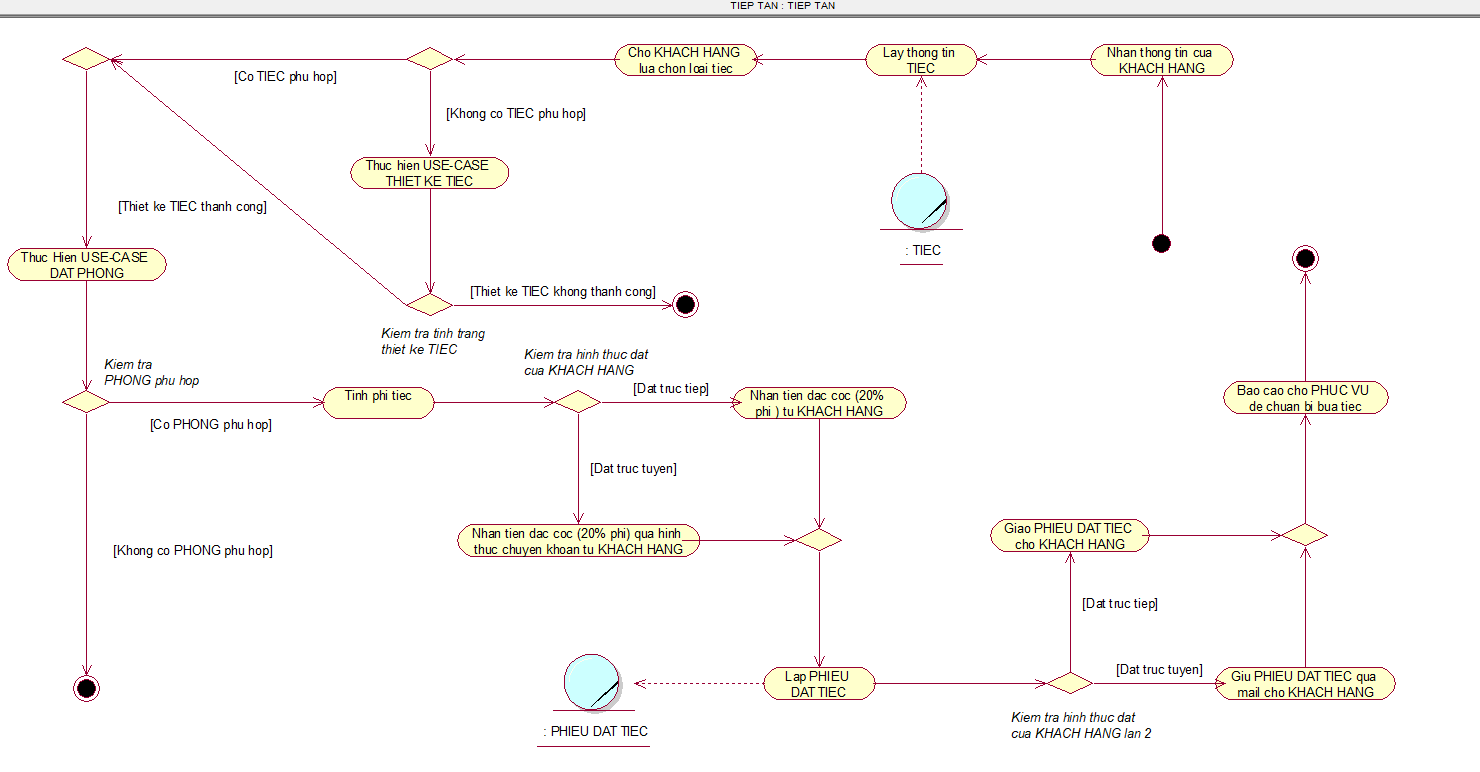
Dòng cơ bản:

1. Tiếp Tân nhận thông tin của Khách Hàng
2. Tiếp Tân lấy thông tin tiệc
3. Tiếp Tân cho Khách Hàng lựa chọn loại tiệc (có sẳn hay là tự thiết kế)
4. Thực hiện Use-Case Đặt Phòng
5. Tiếp Tân tính phí tiệc
6. Tiếp Tân nhận tiền đặc cọc (20% phí)
7. Tiếp Tân lập phiếu đặt tiệc
8. Tiếp Tân báo cáo cho Phục Vụ để chuẩn bị bữa tiệc và kết thúc Use-Case Đặt Tiệc

Dòng thay thế:

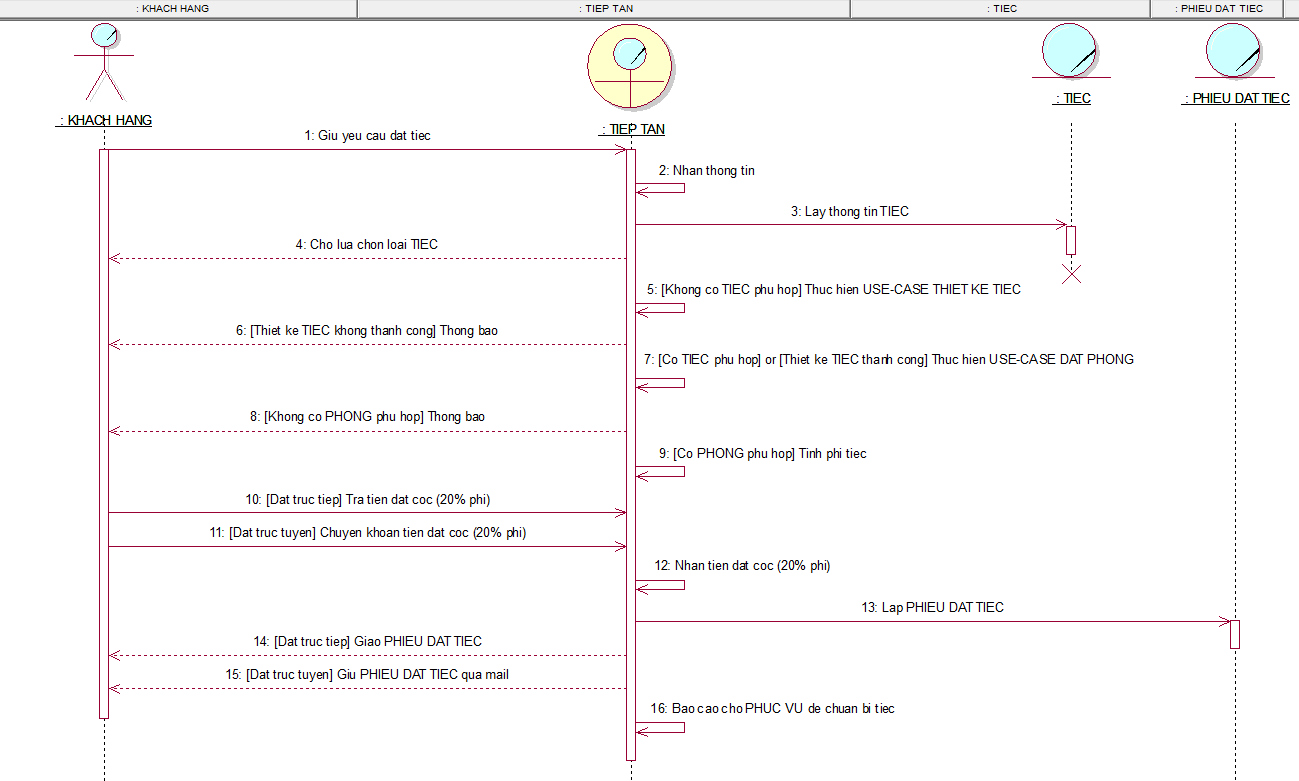
* Tại bước 3: Nếu không có tiệc phù hợp thì thực hiện Use-Case Thiết Kế Tiệc
  + Nếu không thiết kế được tiệc mới thì kết thúc Use-Case Đặt Tiệc
* Tại bước 4: Nếu không có phòng phù hợp thì kết thúc Use-Case Đặt Tiệc
* Tại bước 6:
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tiếp thì Tiếp Tân sẽ nhận tiền đặt cọc từ Khách Hàng
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tuyến thì Tiếp Tân sẽ nhận tiền đặt cọc qua hình thức chuyển khoản từ Khách Hàng
* Tại bước 7:
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tiếp thì Tiếp Tân sẽ giao phiếu đặt tiệc cho Khách Hàng
  + Nếu Khách Hàng đặt trực tuyến thì Tiếp Tân sẽ gửi mail phiếu đặt tiệc cho Khách Hàng

1. Sơ Đồ Hoạt Động



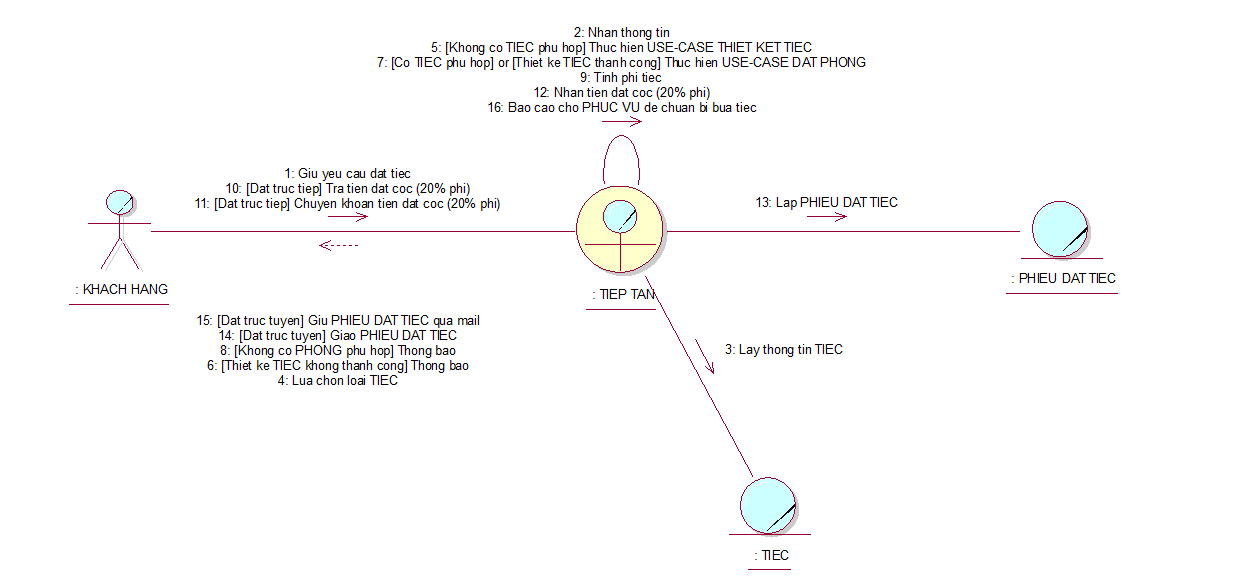
Hình 2‑5 Sơ Đồ Hoạt Động Nghiệp Vụ Đặt Tiệc

1. Sơ Đồ Tuần Tự



Hình 2‑6 Sơ Đồ Tuần Tự Nghiệp Vụ Đặt Tiệc

1. Sơ Đồ Cộng Tác



Hình 2‑7 Sơ Đồ Cộng Tác Nghiệp Vụ Đặt Tiệc

#### Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Thiết Kế Tiệc

1. Đặc Tả Nghiệp Vụ

Use-case bắt đầu khi Khách Hàng đến đặt tiệc và muốn thiết kế tiệc riêng của mình

Use-case thể hiện được quá trình thiết kế tiệc của Khách Hàng

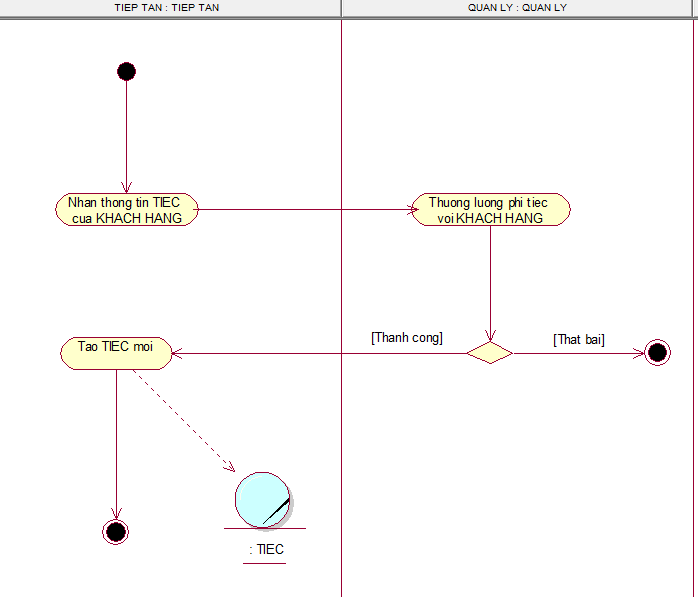
Dòng cơ bản:

1. Tiếp Tân nhận thông tin về tiệc của Khách Hàng
2. Quản Lý thương lượng phí tiệc với Khách Hàng
3. Tiếp Tân tạo tiệc mới và kết thúc Use-Case Thiết Kế Tiệc

Dòng thay thế:

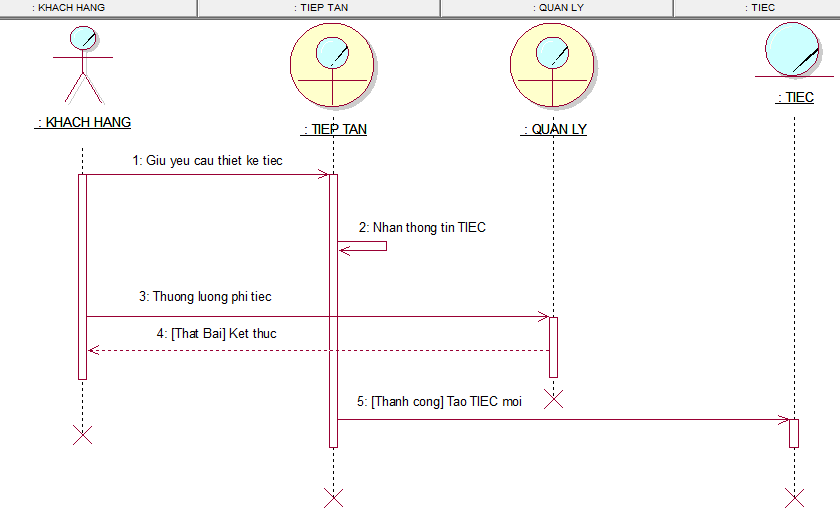
* Tại bước 2: Nếu thương lượng không thành công thì kết thúc Use-Case Thiết Kế Tiệc

1. Sơ Đồ Hoạt Động



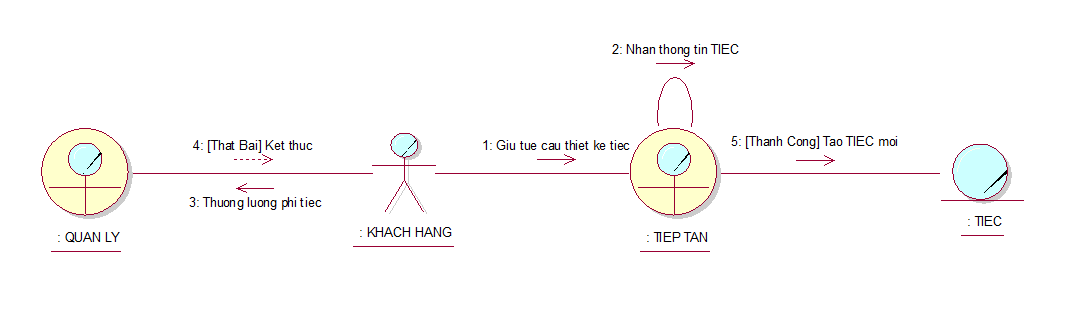
Hình 2‑8 Sơ Đồ Hoạt Động Nghiệp Vụ Thiết Kế Tiệc

1. Sơ Đồ Tuần Tự



Hình 2‑9 Sơ Đồ Tuần Tự Nghiệp Vụ Thiết Kế Tiệc

1. Sơ Đồ Cộng Tác



Hình 2‑10 Sơ Đồ Cộng Tác Nghiệp Vụ Thiết Kế Tiệc

* + - 1. *Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Nhận Phòng*

1. Đặc Tả Nghiệp Vụ

Use-case bắt đầu khi Khách Hàng đến nhận phòng sau khi đã đặt phòng

Use-case thể hiện được quá trình nhận phòng của Khách Hàng

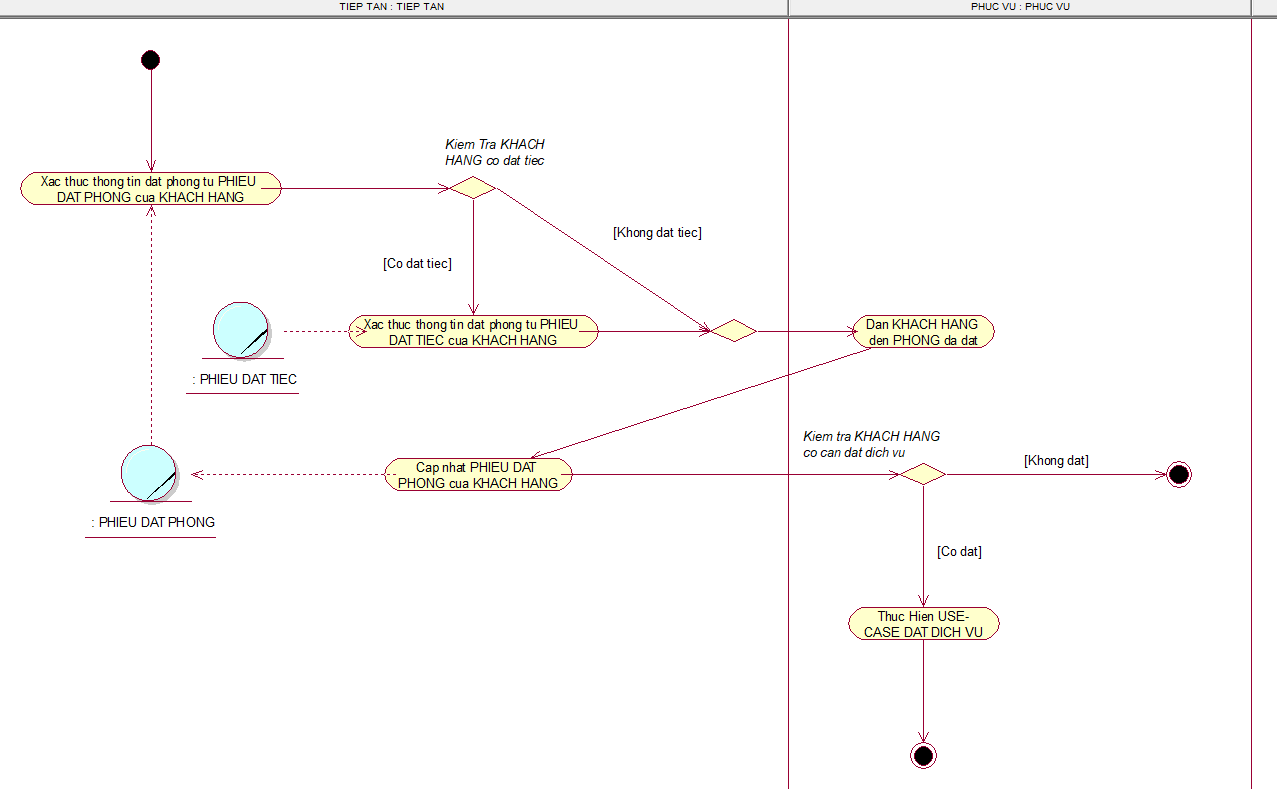
Dòng cơ bản:

1. Tiếp Tân xác thực thông tin đặt phòng từ phiếu đặt phòng của Khách Hàng
2. Phục Vụ dẫn Khách Hàng đến phòng đã đặt
3. Tiếp Tân cập nhật phiếu đặt phòng và kết thúc Use-Case Nhận Phòng

Dòng thay thế:

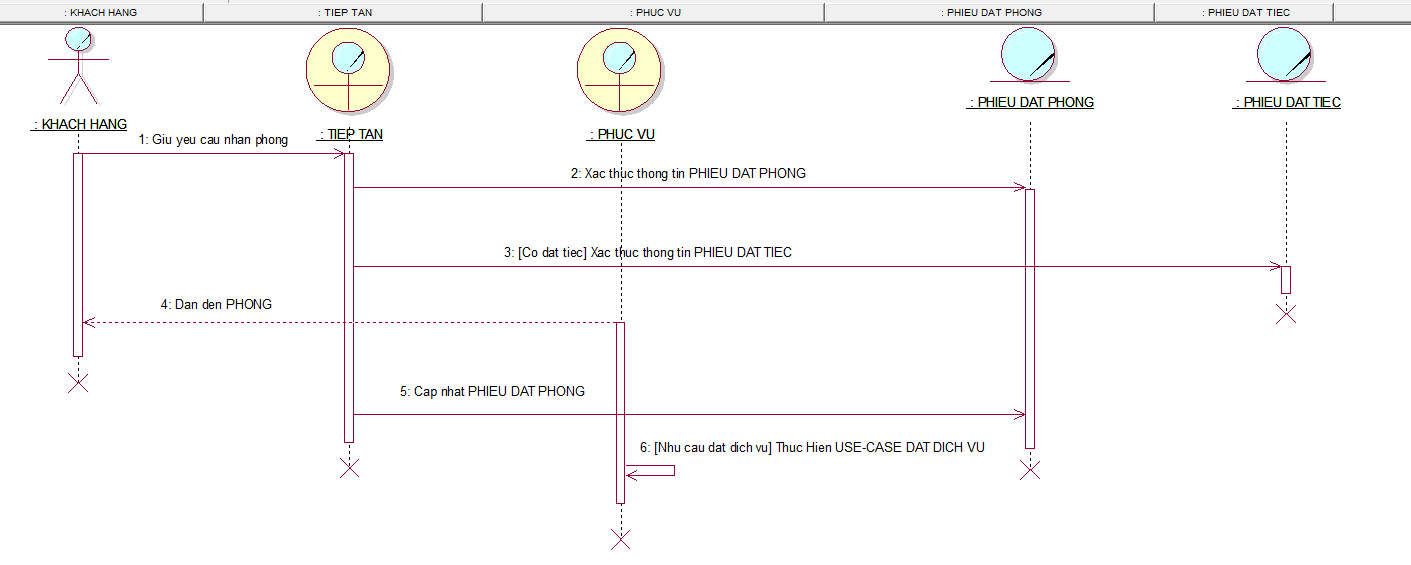
* Tại bước 1: Nếu Khách Hàng có đặt tiệc thì xác nhận thông tin đặt tiệc từ phiếu đặt tiệc của Khách Hàng
* Tại bước 3: Nếu Khách Hàng có nhu cầu đặt dịch vụ thì thực hiện Use-Case Đặt Dịch Vụ và kết thúc Use-Case Nhận Phòng

1. Sơ Đồ Hoạt Động



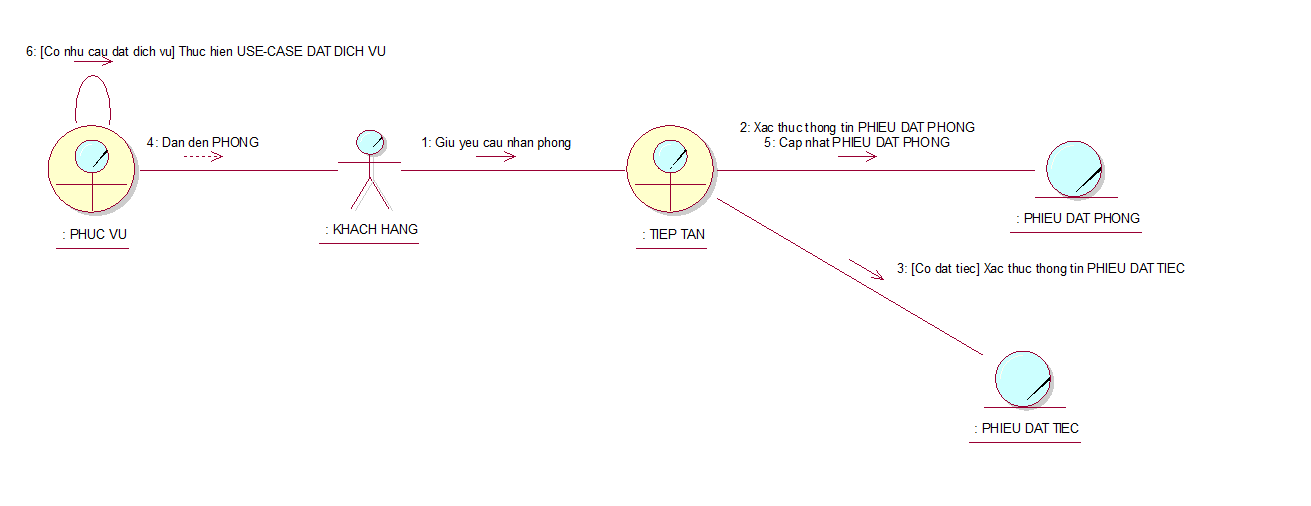
Hình 2‑11 Sơ Đồ Hoạt Động Nghiệp Vụ Nhận Phòng

1. Sơ Đồ Tuần Tự



*Hình 2‑12 Sơ Đồ Tuần Tự Nghiệp Vụ Nhận Phòng*

1. Sơ Đồ Cộng Tác



*Hình 2‑13 Sơ Đồ Cộng Tác Nghiệp Vụ Nhận Phòng*

* + - 1. *Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Nhận Phòng*

1. Đặc Tả Nghiệp Vụ
2. Sơ Đồ Hoạt Động
3. Sơ Đồ Tuần Tự
4. Sơ Đồ Cộng Tác
   * + 1. *Mô Hình Hóa Quy Trình Nghiệp Vụ Nhận Phòng*
5. Đặc Tả Nghiệp Vụ
6. Sơ Đồ Hoạt Động
7. Sơ Đồ Tuần Tự
8. Sơ Đồ Cộng Tác

## Mô Hình Hóa Chức Năng

### Sơ Đồ Use-Case Hệ Thống

### Đặc Tả Use-Case Hệ Thống

## Sơ Đồ Lớp Mức Phân Tích

## Kết Chương

# Thiết Kế Hệ Thống

## Giới Thiệu

## Thiết Kế Cơ Sở Dữ Liệu

## Thiết Kế Giao Diện Hệ Thống

### Chức Năng Lập và Sửa Phiếu Đặt (Nguyễn Bảo Long)

### Chức Năng Thống Kê (Nguyễn Văn Chí Thanh)

### Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn Dịch Vụ (Hà Tri Thủy)

### Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn (Vũ Văn Anh)

## Sơ Đồ Lớp Mức Thiết Kế

## Thiết Kế Chức Năng Hệ Thống

### Thiết Kế Chức Năng Chỉnh Sửa Phiếu Đặt (Nguyễn Bảo Long)

### Thiết Kế Chức Năng Thống Kê (Nguyễn Văn Chí Thanh)

### Thiết Kế Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn Dịch Vụ (Hà Tri Thủy)

### Thiết Kế Chức Năng Quản Lý Hóa Đơn (Vũ Văn Anh)

# Cài Đặt

# Kết Luận

# Tài Liệu Tham Khảo